

**Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng**  
**Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value**

(Ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính)  
(Promulgated with the Circular 98/2020/TT-BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước**

*To: - State Securities Commission of Vietnam*

- Tên Công ty quản lý quỹ:**  
*Fund Management Company:* **Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse**  
*Lighthouse Fund Management Joint Stock Company*
- Tên Ngân hàng giám sát:**  
*Supervising bank:* **Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa**  
*Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch*
- Tên Quỹ:**  
*Fund name:* **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT LIGHTHOUSE**  
*Lighthouse Capital Flexible Cashflow Bond Fund*
- Kỳ báo cáo:**  
*Reporting Period:* **07/09/2026**  
*7-Sep-2026*
- Ngày lập báo cáo:**  
*Reporting Date:* **08/09/2026**  
*8-Sep-2026*

**Đối với quỹ định giá hàng ngày/For Fund with daily valuation**

Unit: VND

| STT<br>NO | CHỈ TIÊU<br>CRITERIA                                                                                                                       | KỲ BÁO CÁO NÀY<br>THIS PERIOD<br>07/09/2026 | KỲ BÁO CÁO TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>06/09/2026 |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1         | <b>Giá trị tài sản ròng</b><br>Net Asset Value                                                                                             |                                             |                                               |
| 1.1       | <i>của quỹ/per Fund</i>                                                                                                                    | 52,612,361,216                              | 52,602,021,108                                |
| 1.2       | <i>của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate</i>                                                                                          | 10,271.28                                   | 10,269.36                                     |
| 2         | <b>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)</b><br>Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund) |                                             |                                               |
| 2.1       | <i>Số lượng chứng chỉ quỹ/Number of Fund Certificates</i>                                                                                  | -                                           | -                                             |
| 2.2       | <i>Tổng giá trị/Total value</i>                                                                                                            | -                                           | -                                             |
| 2.3       | <i>Tỷ lệ sở hữu/Ownership Ratio</i>                                                                                                        | 0.00%                                       | 0.00%                                         |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
*Authorised Representative of Supervisory Bank*

**Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ**  
*Authorised Representative of Fund Management Company*

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN**  
**CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa**  
**Nguyễn Thị Minh Châu**  
**Phó Giám đốc Chi nhánh**

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse**  
**Nguyễn Lê Đình Quang**  
**Tổng Giám đốc**